

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐẶC TRƯNG NGỮ PHÁP TIẾNG ANH PHÁP LÝ - ỨNG DỤNG TRONG GIẢNG DẠY TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY NGUYỄN NHÂN ÁI*

TÓM TẮT: Hiện nay, việc nhận thức rõ các đặc trưng ngữ pháp tiếng Anh pháp lý đóng vai trò quan trọng trong thực tiễn hành nghề luật cũng như nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề pháp lý. Bài viết khái quát về ngữ pháp và tiếng Anh pháp lý, làm rõ các đặc trưng ngữ pháp và chỉ ra mối liên hệ giữa những đặc trưng này với việc giảng dạy tiếng Anh pháp lý. Đồng thời, bài viết phân tích thực trạng ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả hoạt động này, bài viết đề xuất một số giải pháp như cải tiến chương trình đào tạo, tích cực kết hợp lý thuyết và thực hành, cùng với việc cung cấp, phát triển nguồn tài liệu minh họa thực tế.

TỪ KHÓA: ngữ pháp; đặc trưng ngữ pháp; ngôn ngữ Anh; tiếng Anh pháp lý; giảng dạy.

NHẬN BÀI: 16/12/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/02/2025

1. Khái quát chung về ngữ pháp và tiếng Anh pháp lý

1.1. Khái quát chung về ngữ pháp

Ngữ pháp là thuật ngữ dịch từ *grammaire* (tiếp Pháp), *grammar* (tiếng Anh) mà gốc là *grammatike technē* (nghệ thuật viết - tiếng Hi Lạp) [Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, 1997, tr.242-243]. Ngữ pháp là một trong những yếu tố cơ bản của ngôn ngữ, có thể được hiểu và định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào quan điểm của từng người. Một số quan điểm cho rằng ngữ pháp chỉ đơn giản là một danh sách các quy tắc, chỉ ra những gì là đúng và sai trong việc sử dụng ngôn ngữ, như việc cần phải tránh sử dụng những từ như “*ain't*”, hoặc không kết thúc câu bằng giới từ. Tuy nhiên, một số khác lại xác định ngữ pháp là một tập hợp các quy tắc được áp dụng chủ yếu trong ngữ pháp viết, chẳng hạn như việc không cho phép các câu như “*Working on a term paper*” mà không có chủ ngữ rõ ràng, mặc dù đây lại là một mẫu câu phổ biến trong giao tiếp nói. Cũng có quan điểm khác khẳng định ngữ pháp là một mô tả khách quan về cấu trúc ngôn ngữ mà không có đánh giá giá trị về việc gì là đúng hay sai [Diane Larsen-Freeman, Jeanette DeCarrico, 2020, tr.19].

Trong phạm vi bài viết này, ngữ pháp có thể được hiểu là tập hợp các quy tắc và cấu trúc mà người nói hoặc người viết ngôn ngữ sử dụng để xây dựng câu và diễn đạt ý tưởng, phản ánh cách thức ngôn ngữ được sử dụng. Theo đó, ngữ pháp thể hiện một số đặc điểm sau: Một là, ngữ pháp phân biệt giữa những dạng chính xác và không chính xác của ngôn ngữ. Đây là cách tiếp cận mà người ta sử dụng để chỉ ra những gì là “đúng” hoặc “sai” trong việc sử dụng ngôn ngữ. Các quy tắc này thường gắn liền với các chuẩn mực xã hội hoặc văn hóa, trong đó các cấu trúc chuẩn mực của ngôn ngữ được coi là chính xác và được chấp nhận rộng rãi. Hai là, ngữ pháp không chỉ bao gồm các quy tắc cú pháp (quy định cách các từ và cụm từ kết hợp để tạo thành câu), mà còn bao gồm các quy tắc hình thái học (quy định cách các dạng từ được hình thành, ví dụ như sự phân biệt giữa thì hiện tại và quá khứ).

Trong ngữ pháp ứng dụng, đặc biệt là trong việc giảng dạy ngôn ngữ thứ hai hoặc ngôn ngữ chuyên ngành, khái niệm ngữ pháp sư phạm được đưa ra để giúp người học hiểu và sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả. Ngữ pháp sư phạm không chỉ dựa trên các quy tắc ngữ pháp quy phạm mà còn bao gồm những hiểu biết về cách sử dụng ngữ pháp trong các lĩnh vực, tình huống thực tế. Học ngữ pháp không chỉ giúp người học có thể tạo ra các câu chính xác về mặt hình thức, mà còn giúp họ sử dụng chúng một cách có ý nghĩa và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp [Diane Larsen-Freeman,

*TS; Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội; Email: jennynguyengass@gmail.com

Jeanette DeCarrico, 2020, tr.20].

1.2. Khái quát chung về tiếng Anh pháp lý

Từ thế kỉ XVIII, tiếng Anh pháp lý đã dần trở thành ngôn ngữ chủ yếu trong các hệ thống pháp luật, đặc biệt là tại Anh, dần chiếm ưu thế so với tiếng Latin và tiếng Pháp trong việc soạn thảo các văn bản pháp lý. Đến thế kỉ XIX và XX, với sự mở rộng ảnh hưởng của Đế quốc Anh và sự gia tăng sức mạnh toàn cầu của Hoa Kỳ, tiếng Anh pháp lý không chỉ được sử dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế mà còn khẳng định vị trí của mình trong các văn bản pháp lý toàn cầu, từ các hợp đồng, thỏa thuận quốc tế, đến các văn bản luật quốc gia. Điều này đã giúp tiếng Anh pháp lý trở thành một công cụ quan trọng trong lĩnh vực pháp luật toàn cầu [Trường Đại học Luật Hà Nội, 2022, tr.127-128]. Hiện nay, tiếng Anh pháp lý được xác định là một nhánh ngôn ngữ chuyên ngành, khác biệt rõ rệt so với ngôn ngữ Anh thông dụng [Richard, C. W., 2005, tr.4]. Các quy tắc ngữ pháp, hình thức từ vựng và cấu trúc câu của nó mang tính logic và chính xác cao, phản ánh sự cần thiết của việc diễn đạt rõ ràng trong các văn bản pháp lý. Đặc biệt, tiếng Anh pháp lý chứa đựng một lượng lớn thuật ngữ và biệt ngữ chuyên ngành, mà nghĩa của chúng đôi khi không thể hiểu theo cách thông thường.

Với sự phổ biến của tiếng Anh pháp lý, nhu cầu đào tạo và giảng dạy tiếng Anh pháp lý đã tăng mạnh. Đồng thời, các tổ chức và doanh nghiệp toàn cầu hiện nay yêu cầu nhân sự có khả năng thành thạo các kĩ năng tiếng Anh pháp lý như thuyết trình, đàm phán hợp đồng, tư vấn pháp luật, tranh tụng, soạn thảo các văn bản pháp lý, cũng như biên dịch và phiên dịch các tài liệu pháp lý. Điều này cũng tạo ra một nhu cầu đáng kể trong việc giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại các trường đại học và các cơ sở đào tạo ngành luật. Theo khảo sát 366 sinh viên tại một số cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam, có tới 71% số sinh viên cho rằng việc sử dụng tiếng Anh pháp lý cần thiết đối với những người học tập, nghiên cứu, làm việc trong lĩnh vực luật học và 62,3% trong số đó có nhu cầu học/ đang theo học tiếng Anh pháp lý [Nguyễn Nhân Ái, thu thập và tổng hợp tháng 12.2024]. Các chương trình giảng dạy tiếng Anh pháp lý không chỉ tập trung vào việc dạy tiếng Anh trong các tình huống pháp lý mà còn trang bị cho sinh viên kĩ năng sử dụng các thuật ngữ pháp lý chính xác và đúng ngữ pháp.

2. Đặc trưng ngữ pháp tiếng Anh pháp lý

2.1. Cấu trúc phức tạp của câu

Trong tiếng Anh pháp lý, các câu thường rất dài và phức tạp, đôi khi toàn bộ tài liệu chỉ gồm một câu đơn. Các câu này thường chứa mệnh đề liên kết với các từ như "if", "unless", "when", "while", "where" hoặc các cụm giới từ, trạng từ. Ngoài ra, ngữ pháp pháp lý còn sử dụng cấu trúc đảo ngữ và câu điều kiện để làm tăng độ phức tạp.

Câu đơn là câu có một chủ ngữ - vị ngữ và không có mệnh đề phụ. Câu ghép kết hợp các câu đơn bằng liên từ để tạo sự liên kết logic, bao gồm câu ghép chính phụ, đẳng lập, chuỗi, và qua lại. Các liên từ như FANBOYS (*For, And, Nor, But, Or, Yet, So*) hoặc các cụm liên từ tương quan (*neither-nor, either-or*) được sử dụng để nối các mệnh đề độc lập.

Câu phức bao gồm ít nhất một mệnh đề phụ và mệnh đề chính, với các liên từ như "because", "although", "if", "when". Câu phức giúp diễn đạt chi tiết các điều kiện và mối quan hệ giữa các phần, đồng thời giúp tạo sự mạch lạc trong văn bản pháp lý. Dấu câu, đặc biệt là dấu phẩy, đóng vai trò quan trọng trong việc phân biệt các mệnh đề và làm rõ ý nghĩa. Ví dụ trong Hiến chương Liên hợp quốc cho thấy cấu trúc câu dài và phức tạp, được chia thành các cụm từ nhỏ để dễ hiểu hơn. Câu này, dù dài 175 từ, vẫn có thể hiểu được nếu phân tích kĩ các thành phần của nó.

Cấu trúc phức tạp của câu trong ngôn ngữ pháp lý thường làm khó người đọc trong việc xác định mối quan hệ giữa các phần của câu. Điều này là do các lí thuyết pháp lý sâu sắc được ẩn chứa trong các văn bản pháp lý, đòi hỏi người đọc phải nghiên cứu kĩ và tham khảo các quan điểm pháp lý để hiểu rõ ý nghĩa.

2.2. Cấu trúc câu bị động

Trong tiếng Anh pháp lý, câu bị động là cấu trúc phổ biến, giúp nhấn mạnh hành động hoặc kết quả hành động, thay vì tập trung vào tác nhân thực hiện hành động. Câu bị động được hình thành bằng cách kết hợp trợ động từ "be", "get", hoặc "become" với quá khứ phân từ của động từ chính.

Điều này giúp tạo ra một giọng điệu trang trọng, khách quan, đặc biệt quan trọng trong các văn bản pháp lí, nơi việc duy trì sự trung lập và chính xác là ưu tiên hàng đầu.

Một ví dụ điển hình trong tiếng Anh pháp lí là: *"Now it is hereby agreed by and between the Parties as follows"*. (Bằng hợp đồng này, các Bên thỏa thuận như sau.) Câu này sử dụng cấu trúc bị động *"is agreed"* để làm nổi bật nội dung thỏa thuận hơn là người thực hiện hành động, qua đó thể hiện sự trang trọng và tính khách quan cần thiết trong hợp đồng pháp lí.

Câu bị động trong tiếng Anh pháp lí thường tuân theo một số quy tắc cụ thể.

Thứ nhất, khi không cần thiết phải đề cập đến tác nhân thực hiện hành động, câu bị động có thể loại bỏ đối tượng này, chỉ tập trung vào hành động hoặc kết quả. Ví dụ:

"It is mutually agreed that the certificate of quality and quantity or weight issued by the manufacturer shall be part of the document for payment with the adopted Letter of Credit" (Các Bên đồng ý thỏa thuận rằng giấy chứng nhận chất lượng và số lượng hoặc trọng lượng do nhà sản xuất cấp sẽ là một phần của chứng từ thanh toán).

Sử dụng cấu trúc bị động *"is mutually agreed"* giúp làm nổi bật sự đồng thuận giữa các bên mà không cần phải nhấn mạnh ai thực hiện hành động.

Thứ hai, câu bị động thường được sử dụng để nhấn mạnh quy trình hoặc thủ tục pháp lí. Thay vì chỉ đơn giản nêu ra ai thực hiện hành động, câu bị động giúp làm rõ cách thức và trình tự mà hành động được thực hiện. Ví dụ:

"All notices required or permitted to be given hereunder shall be written and be delivered by hand, or sent by registered airmail to the following address..." (Tất cả thông báo cần thiết hoặc được phép đưa ra cho hợp đồng này đều được viết ra và giao tận tay hoặc gửi thư bảo đảm bằng đường hàng không).

Sử dụng cấu trúc bị động để nhấn mạnh quy trình gửi thông báo hơn là ai sẽ thực hiện việc gửi thông báo.

Thứ ba, câu bị động cũng giúp tránh việc lặp lại tác nhân đã được đề cập trước đó trong văn bản. Bằng cách sử dụng câu bị động, tác nhân thực hiện hành động có thể được bỏ qua hoặc thay thế bằng một thành phần câu tùy chọn, điều này giúp tránh sự trùng lặp không cần thiết và làm cho văn bản trở nên mạch lạc hơn.

Thứ tư, câu bị động có thể giúp đưa nội dung hoặc chủ đề lên trước câu. Điều này làm cho câu trở nên rõ ràng hơn, đồng thời giúp nhấn mạnh nội dung chính của văn bản. Ví dụ:

"If more than one factory is used to produce merchandise, a separate acknowledgement form must be provided for each factory" (Nếu sử dụng nhiều nhà máy để sản xuất hàng hóa, phải cung cấp một mẫu xác nhận riêng cho mỗi nhà máy).

Cấu trúc bị động giúp làm nổi bật yêu cầu đối với mẫu xác nhận.

2.3. Sử dụng vị từ tình thái

Trong tiếng Anh pháp lí, quyền và nghĩa vụ chủ yếu được tạo lập qua các vị từ tình thái. Những điều khoản quy định nghĩa vụ bắt buộc và cấm đoán thường được diễn đạt bằng các vị từ tình thái như *must* và *shall*, trong khi các quyền với nghĩa "cho phép" hoặc "có thể làm" thường được diễn đạt bằng *may*. Tuy nhiên, việc sử dụng vị từ tình thái trong tiếng Anh pháp lí có thể gây ra sự mơ hồ, vì không có cách tạo quyền và nghĩa vụ qua hàm ẩn tình thái hoặc tình lược vị từ tình thái như trong tiếng Việt.

Shall là từ được sử dụng phổ biến nhất trong văn bản pháp lí, nhưng cũng là nguồn gây khó khăn trong việc dịch thuật, do chức năng và mục đích của nó không phải lúc nào cũng rõ ràng. Đôi khi, khó xác định liệu *shall* trong một văn cảnh cụ thể mang nghĩa *must* (áp đặt nghĩa vụ) hay chỉ có nghĩa thông thường. Ví dụ trong hợp đồng mua bán căn hộ: *"The Seller shall provide warranty to the Apartment as provided in Article 85 of Law on Residential Housing..."* (Bên Bán phải bảo hành căn hộ theo đúng quy định tại Điều 85 Luật Nhà ở...). Trong câu này, *shall* vừa thể hiện nghĩa bắt buộc (bảo hành) vừa thể hiện nghĩa quy định trách nhiệm của Bên Bán.

Mặc dù *must* là từ thể hiện nghĩa bắt buộc, nghĩa vụ hoặc cấm đoán (*must not*), *shall* vẫn được sử dụng dày đặc trong văn bản pháp lý, bao gồm cả các trường hợp trao quyền và mô tả phạm vi áp dụng của các quy phạm luật. Để hiểu và dịch chính xác ý nghĩa của *shall*, cần phải hiểu rõ bối cảnh của toàn văn bản, chứ không chỉ riêng văn cảnh của điều khoản cụ thể.

Ngoài các vị từ tình thái như *shall*, *must*, và *may*, cũng có trường hợp hàm ẩn tình thái trong các điều khoản xác định tội danh. Ví dụ trong điều khoản xác định tội bất cóc: “*A person, whatever his nationality, who... commits an offense*” (Một người, bất kể quốc tịch nào, phạm tội...). Trong trường hợp này, động từ *commit* ở thì hiện tại không chỉ thị thời gian (present tense), mà còn mang ý nghĩa tình thái diễn đạt một chân lý hoặc sự thực không thay đổi trong tiếng Anh pháp lý. Điều này cho thấy sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong tiếng Anh pháp lý và tiếng Việt pháp lý, khi mà ngôn ngữ pháp lý tiếng Anh đã được định hình rõ ràng hơn và phân biệt rõ rệt với ngôn ngữ đời thường.

2.4. Danh từ hoá

Mức độ danh hóa cao hơn. Danh hóa động từ, tính từ được thực hiện theo nhiều cách.

Một, biến đổi hình thái. Có thể dùng các hậu tố như:

- | | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|
| -ion (to remunerate - remuneration), | -ent (to imburse - imbursement), |
| -ity (possible thành possibility), | -al (to refuse - refusal), |
| -age (to drain - drainage), | -ing (to maintain - maintaining), |
| -ness (friendly - friendliness). | |

Các danh từ phái sinh từ động từ thường được dùng thay cho động từ như: “to give consideration to” thay “to consider”; “to be in opposition” thay “to oppose”; “to be in agreement” thay “to agree”.

Trong hai câu dưới đây, câu thứ nhất được ưa dùng ở văn bản pháp lý tiếng Anh hơn câu chứa nhiều động từ:

1) “The power to make regulations under this section shall be exercisable by statutory instrument which shall be subject to annulment in pursuance of a resolution of either House of Parliament.”

2) “A statutory instrument can be used to make regulations under this section and such a statutory instrument can be annulled if either House of Parliament passes a resolution to that effect.”

Hai, không dùng tới biến tố: Cách này có nhiều nét tương tự tiếng Việt nhưng hạn chế và dễ nhận thấy trong văn bản hơn. Ví dụ: *wrap, retreat, limit, mortgage*, v.v. Khi xuất hiện trên văn bản, danh từ có cùng hình thái với động từ vẫn biến đổi như các danh từ khác như thêm -s cho số nhiều (*limit - limits*) và động từ cũng biến đổi như bình thường (*mortgage - mortgaged*).

3. Mối liên hệ giữa đặc trưng ngữ pháp và giảng dạy tiếng Anh pháp lý

3.1. Tầm quan trọng của đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý

Nghiên cứu về những đặc trưng ngữ pháp của một ngôn ngữ đang ngày càng trở nên thiết yếu trong công tác giảng dạy ngôn ngữ nói chung, ngôn ngữ chuyên ngành pháp lý nói riêng. Việc sử dụng ngôn ngữ pháp lý không chỉ đòi hỏi độ chính xác cao mà còn yêu cầu tính logic và chặt chẽ trong cấu trúc câu để đảm bảo tính minh bạch và hạn chế tối đa việc diễn giải sai hay không trọn vẹn ý của người nói, người viết [Bailo I. Ya, Bilobrova O. V., 2021, tr.8]. Những đặc trưng ngữ pháp của tiếng Anh pháp lý được phân tích nêu trên đóng vai trò quan trọng trong việc giảng dạy lĩnh vực tiếng Anh chuyên ngành này.

Thứ nhất, đối với người dạy, việc hiểu rõ đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý là yếu tố then chốt trong việc đảm bảo sự chính xác trong quá trình truyền đạt kiến thức cho người học. Bởi lẽ, tiếng Anh pháp lý thường được sử dụng trong các văn bản pháp lý có tính ràng buộc cao, nếu không hiểu tường minh về cấu trúc ngữ pháp đặc biệt trong lĩnh vực này, người dạy có thể hiểu sai hoặc diễn giải không chính xác các nội dung mà mình giảng dạy. Bên cạnh đó, trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý, việc hiểu và áp dụng đúng ngữ pháp giúp người dạy phát triển phương pháp sư phạm hiệu quả. Các giảng viên cần xây dựng bài giảng và các hoạt động học tập sao cho học viên không chỉ hiểu lý thuyết ngữ pháp mà còn có thể áp dụng vào thực tế. Việc này đòi hỏi người dạy phải tạo ra

các tình huống thực tiễn để học viên có thể sử dụng ngữ pháp trong các bối cảnh pháp lý khác nhau, từ đó giúp họ nắm vững và sử dụng ngữ pháp một cách thành thạo trong công việc.

Thứ hai, đối với người học, việc hiểu rõ đặc trưng ngữ pháp trong tiếng Anh pháp lý phát triển khả năng phân tích và tư duy pháp lý của người học. Ngữ pháp là công cụ giúp người học xây dựng lập luận chặt chẽ và phát triển khả năng phản biện. Trong các tình huống pháp lý phức tạp, học viên cần phân tích các văn bản pháp lý một cách logic và hệ thống. Việc hiểu ngữ pháp giúp học viên nhận diện các mối liên hệ giữa các yếu tố trong câu, từ đó phát triển khả năng lập luận và đưa ra quyết định chính xác.

Thêm vào đó, việc hiểu rõ đặc trưng ngữ pháp cũng giúp người học cải thiện khả năng giao tiếp, soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý. Một trong những kỹ năng quan trọng của tiếng Anh pháp lý là khả năng viết và trình bày thông tin một cách rõ ràng, chính xác. Ngữ pháp đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cấu trúc câu văn và diễn đạt thông tin một cách mạch lạc. Vì vậy, nếu người học không hiểu và áp dụng đúng ngữ pháp, việc soạn thảo, dịch thuật các văn bản pháp lý có thể trở nên khó khăn và thiếu chính xác.

3.2. Ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý

Như đã phân tích ở các phần trên, tiếng Anh pháp lý sở hữu nhiều đặc trưng ngữ pháp khác biệt so với tiếng Anh thông dụng; do đó, để đào tạo người học thành công trong việc đọc hiểu, phân tích và soạn thảo các văn bản pháp lý cũng như sử dụng thành thạo tiếng Anh pháp lý trong thực tiễn hành nghề luật, chương trình giảng dạy tiếng Anh pháp lý cần tập trung vào việc hướng dẫn cách nhận diện, phân tích và ứng dụng các cấu trúc ngữ pháp đặc thù.

Một trong những thách thức lớn nhất trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý là giúp người học hiểu rõ cách vận dụng cấu trúc ngữ pháp để thể hiện ý nghĩa chính xác trong các ngữ cảnh pháp lý phức tạp. Ví dụ, các câu văn pháp lý thường bao gồm nhiều mệnh đề phụ nhằm diễn đạt đầy đủ các điều khoản, điều kiện và nghĩa vụ pháp lý. Việc giảng dạy cần tập trung vào cách phân tích và xây dựng cấu trúc câu phù hợp, đồng thời rèn luyện kỹ năng xử lý câu dài và phức hợp để đảm bảo tính mạch lạc và logic.

Ngoài ra, đặc điểm danh từ hóa trong tiếng Anh pháp lý, được sử dụng để tạo ra sự trang trọng và khách quan, cũng là một trọng tâm quan trọng trong giảng dạy. Người học cần được hướng dẫn cách nhận diện và sử dụng danh từ hóa để làm tăng tính chuyên nghiệp và rõ ràng trong diễn đạt. Tương tự, cấu trúc bị động cũng cần được đào tạo bài bản để người học có thể ứng dụng linh hoạt vào soạn thảo và biên dịch văn bản.

Bên cạnh các đặc điểm ngữ pháp, giảng dạy tiếng Anh pháp lý còn đòi hỏi sự chú trọng đến khả năng áp dụng ngữ pháp vào thực tiễn. Điều này bao gồm việc đào tạo kỹ năng biên dịch và soạn thảo các tài liệu pháp lý chính xác và phù hợp với ngữ cảnh. Các hoạt động giảng dạy cần kết hợp lý thuyết với thực hành thông qua các bài tập phân tích cú pháp, viết hợp đồng, thư từ pháp lý và mô phỏng tình huống thực tế. Điều này không chỉ giúp người học hiểu rõ các đặc trưng ngữ pháp mà còn tăng cường khả năng vận dụng trong môi trường làm việc thực tế.

Như vậy, đặc trưng ngữ pháp trong tiếng Anh pháp lý không chỉ là một công cụ hỗ trợ truyền tải thông tin mà còn là nền tảng để phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ chuyên sâu trong bối cảnh pháp lý. Việc đào tạo và rèn luyện các đặc điểm ngữ pháp này có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh pháp lý, giúp người học chuẩn bị tốt hơn cho các yêu cầu chuyên môn và thực tiễn trong môi trường pháp lý quốc tế ngày càng phức tạp.

4. Thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam

4.1. Thực trạng ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam

4.1.1. Kết quả đạt được

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam trở thành một yêu cầu cấp thiết. Trong khuôn khổ hội thảo quốc tế với chủ đề "Giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập" tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế - Luật

(ĐHQG-HCM) vào tháng 6/2024, các chuyên gia đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giảng dạy tiếng Anh pháp lý không chỉ qua các thuật ngữ mà còn thông qua việc phát triển kỹ năng viết và giao tiếp trong các tình huống pháp lý cụ thể. Hội thảo cũng chỉ ra rằng 100% các công ty luật sử dụng tiếng Anh pháp lý trong công việc viết lách, và đây là một yếu tố quan trọng trong việc xác định nội dung giảng dạy [web. Truy cập ngày 05/01/2025].

Hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam đã có những bước tiến trong việc giảng dạy tiếng Anh pháp lý, đặc biệt là trong việc kết hợp giảng dạy ngữ pháp với các tình huống thực tế. Một ví dụ nổi bật liên quan đến ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam đó là giảng dạy theo phương pháp đóng vai - tổ chức các cuộc thi diễn án sinh viên tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Cụ thể, trong các chương trình Mock Trial (phiên tòa giả định), sinh viên được yêu cầu tham gia vào quá trình mô phỏng lại một phiên tòa thực tế theo luật tố tụng Anh-Mỹ. Các cuộc thi diễn án này không chỉ giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng tranh tụng và trình bày lý lẽ, mà còn là cơ hội để họ ứng dụng ngữ pháp tiếng Anh pháp lý trong các tình huống pháp lý cụ thể. Bởi lẽ, các sự kiện trong phiên tòa giả định diễn ra theo trình tự chuẩn của một phiên tòa thực tế, bao gồm việc trình bày các vấn đề pháp lý (legal problems) và sự kiện thực tế (factual problems), đồng thời yêu cầu sinh viên phát triển khả năng sử dụng ngữ pháp để lập luận và phản biện các tình huống này. Điều này giúp sinh viên hiểu rõ hơn cách thức xây dựng câu văn pháp lý chuẩn xác, với việc áp dụng ngữ pháp để trình bày các sự kiện và lập luận một cách chính xác, khoa học, và dễ hiểu. Từ đó, phương pháp giảng dạy này góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh pháp lý và giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho môi trường làm việc quốc tế. Bên cạnh đó, một số trường đại học, chẳng hạn như Trường Đại học Kinh tế - Luật, cũng đã bắt đầu áp dụng các phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết ngữ pháp và thực hành qua các bài tập thực tế như soạn thảo hợp đồng, thư từ pháp lý và giải quyết các tình huống pháp lý thực tế. Việc này không chỉ giúp sinh viên nắm vững các cấu trúc ngữ pháp mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và tranh luận bằng tiếng Anh pháp lý.

4.1.2. Hạn chế, khó khăn

Mặc dù hoạt động giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam đã thể hiện được những kết quả tích cực trong việc ứng dụng đặc trưng ngữ pháp của lĩnh vực tiếng Anh chuyên ngành này; tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy chương trình giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại nhiều cơ sở đào tạo vẫn chưa thực sự chú trọng đến việc ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy, dẫn đến một số hạn chế trong quá trình học tập và thực hành của sinh viên.

Theo TS Marian Dent, chuyên gia Anh ngữ cao cấp Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, giảng dạy tiếng Anh pháp lý không chỉ là việc truyền đạt ngôn ngữ mà còn là cung cấp cho người học những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và hiệu quả trong môi trường pháp lý. Đặc biệt, tiếng Anh pháp lý không giống tiếng Anh thông dụng, nó có nhiều cấu trúc ngữ pháp đặc thù như danh từ hóa (nominalization), cấu trúc bị động (passive voice), hay câu phức hợp (complex sentences) mà không phải ai cũng dễ dàng làm quen. Những đặc trưng này đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các văn bản pháp lý, hợp đồng, hay các tài liệu pháp lý khác, đồng thời tạo ra sự trang trọng và chính xác cần thiết trong các giao dịch pháp lý. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều chương trình giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào việc truyền đạt từ vựng, thuật ngữ pháp lý, mà chưa chú trọng đủ đến việc phát triển các kỹ năng ngữ pháp chuyên sâu, đặc biệt là trong các ngữ cảnh thực tế. Mặt khác, các khóa học tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam hiện nay còn khá ngắn hạn và chưa đủ thời gian để giúp người học nắm vững các đặc trưng ngữ pháp của tiếng Anh pháp lý, từ đó ứng dụng chúng trong các tình huống thực tế. Theo TS. Lê Nguyễn Gia Thiện, Phó Trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL), các khóa học tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam hiện chủ yếu cung cấp các kiến thức cơ bản về từ vựng và thuật ngữ pháp lý, nhưng không đủ để trang bị cho người học các kỹ năng giao tiếp hay xử lý tình huống pháp lý thực tế. Chương trình giảng dạy thiếu đi sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, dẫn đến việc sinh viên không thể vận dụng các cấu trúc ngữ pháp một cách linh hoạt trong công việc thực tế. Bên cạnh đó, một trong những khó khăn

lớn trong việc ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam là sự thiếu vắng các tài liệu minh họa thực tế về việc sử dụng ngữ pháp trong môi trường pháp lý. PGS.TS Trần Thăng Long, Trưởng Khoa Ngoại ngữ Pháp lý tại Trường Đại học Luật TP.HCM, chia sẻ rằng hiện tại chúng ta chưa có những tài liệu video thực tế về các phiên tòa xét xử bằng tiếng Anh để minh họa cách thức sử dụng ngữ pháp và thuật ngữ trong các tình huống pháp lý. Điều này khiến cho việc giảng dạy và học tập tiếng Anh pháp lý trở nên thiếu sinh động và thực tiễn [web. Truy cập ngày 05/01/2025].

Hơn nữa, ngữ pháp tiếng Anh pháp lý là một hệ thống đặc thù kết hợp giữa kiến thức ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành luật, và hệ thống pháp luật lại thường xuyên thay đổi và cập nhật. Do đó, việc hiểu và sử dụng đúng ngữ pháp tiếng Anh pháp lý đã là một thử thách lớn, và việc giảng dạy nó còn phức tạp hơn. Các giảng viên phải không ngừng nghiên cứu và cập nhật các thay đổi trong ngữ pháp và thuật ngữ pháp lý, điều này đặt ra yêu cầu rất cao đối với chất lượng giảng dạy.

4.2. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy, trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam, mặc dù đã đạt được một số kết quả tích cực, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế trong việc ứng dụng đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ này. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy mà còn tác động đến khả năng áp dụng tiếng Anh pháp lý của sinh viên trong các tình huống thực tế. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy và giúp người học có thể vận dụng ngữ pháp chuyên ngành một cách chính xác và hiệu quả, bài viết đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tăng cường chú trọng vào giảng dạy ngữ pháp chuyên sâu: Để khắc phục tình trạng chương trình giảng dạy hiện nay chủ yếu tập trung vào từ vựng và thuật ngữ pháp lý mà chưa chú trọng đầy đủ đến các kỹ năng ngữ pháp chuyên sâu, các cơ sở đào tạo cần bổ sung các khóa học ngữ pháp chuyên sâu. Những khóa học này cần tập trung vào các đặc trưng ngữ pháp, ví dụ như danh từ hóa (nominalization), cấu trúc bị động (passive voice), và câu phức hợp (complex sentences). Các bài học phải được thiết kế sao cho sinh viên có thể ứng dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp trong các tình huống pháp lý thực tế, từ đó tạo ra các văn bản pháp lý chính xác và chuyên nghiệp.

Thứ hai, khuyến khích phương pháp kết hợp lý thuyết và thực hành trong giảng dạy: Một trong những cách hiệu quả nhất để giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp tiếng Anh pháp lý là kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Các cơ sở đào tạo nên tổ chức các hoạt động thực hành như phiên tòa giả định (Mock Trial), các cuộc thi diễn án sinh viên, và các tình huống thực tế khác. Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp trong các tình huống pháp lý, mà còn rèn luyện khả năng xử lý tình huống và ứng dụng ngữ pháp vào thực tế công việc.

Thứ ba, phát triển và cung cấp tài liệu minh họa thực tế: Việc thiếu tài liệu minh họa thực tế về cách sử dụng ngữ pháp trong môi trường pháp lý đã tạo ra một khoảng cách lớn giữa lý thuyết và thực hành. Để giải quyết vấn đề này, các cơ sở đào tạo nên phát triển và cung cấp tài liệu video minh họa về các phiên tòa xét xử bằng tiếng Anh, các buổi tranh tụng, và các bản án, hợp đồng mẫu. Những tài liệu này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách sử dụng ngữ pháp và thuật ngữ pháp lý trong các tình huống thực tế, đồng thời giúp giảng dạy trở nên sinh động và dễ tiếp cận hơn.

Thứ tư, liên tục cập nhật và nghiên cứu các thay đổi trong ngữ pháp tiếng Anh pháp lý: Vì hệ thống pháp luật liên tục thay đổi và cập nhật, các giảng viên cần không ngừng nghiên cứu và cập nhật các thay đổi này để đảm bảo việc giảng dạy luôn sát với thực tế. Các giảng viên cũng nên tham gia các khóa học nâng cao, các hội thảo quốc tế, và sử dụng tài liệu cập nhật để cải thiện chất lượng giảng dạy của mình. Việc này không chỉ giúp giảng viên duy trì chất lượng giảng dạy mà còn giúp sinh viên có cơ hội học hỏi từ những nguồn tài liệu và giảng viên uy tín trong và ngoài nước.

Thứ năm, mở rộng các khóa học dài hạn và chuyên sâu: Một trong những hạn chế lớn hiện nay là các khóa học tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam thường có thời gian ngắn hạn, không đủ để trang bị đầy đủ các kiến thức ngữ pháp chuyên sâu. Do đó, các cơ sở đào tạo nên mở rộng các chương trình đào tạo dài hạn và chuyên sâu hơn với sự kết hợp tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu,

giảng dạy tiếng Anh pháp lý lâu năm. Trong đó, các khóa học này có thể bao gồm các môn học riêng biệt về ngữ pháp tiếng Anh pháp lý, hợp đồng, soạn thảo văn bản, và các kỹ năng tranh tụng pháp lý.

Thứ sáu, khuyến khích nghiên cứu và phát triển tài liệu giảng dạy riêng biệt: Để giảng dạy hiệu quả các đặc trưng ngữ pháp trong tiếng Anh pháp lý, các cơ sở đào tạo cần phát triển tài liệu giảng dạy riêng biệt, phản ánh chính xác và rõ ràng cách sử dụng ngữ pháp trong môi trường pháp lý. Các tài liệu này cần bao gồm các ví dụ cụ thể từ các tình huống pháp lý thực tế, giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt và ứng dụng vào thực tế công việc.

Việc nâng cao hiệu quả ứng dụng đặc trưng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Việt Nam đòi hỏi một sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành, sự phát triển liên tục của tài liệu giảng dạy, và sự cập nhật liên tục các thay đổi trong ngữ pháp và thuật ngữ pháp lý. Các cơ sở đào tạo cần chú trọng phát triển các chương trình đào tạo dài hạn và chuyên sâu, đồng thời tạo ra môi trường học tập thực tế để sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào công việc pháp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.127-128.
2. *Giảng dạy tiếng Anh pháp lý: “Quan trọng là dạy cách giao tiếp”*
<https://www.uel.edu.vn/tin-tuc/giang-day-tieng-anh-phap-ly-quan-trong-la-day-cach-giao-tiep>.
3. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Nxb Giáo dục, H., 1997, tr.242-243. Dẫn theo *Ngữ pháp và ngữ pháp học*, https://ngonngu.net/nguphap_nguphaphoc/160.

Tiếng Anh

4. Bailo I. Ya, Bilobrova O. V (2021), *Grammatical aspects of legal translation*. Research Journal of Drohobych Ivan Franko State Pedagogical University. Series: Philological Sciences (Linguistics). No. 15, pp.7-13.
5. Diane Larsen-Freeman, Jeanette DeCarrico. (2020), *Grammar. An Introduction to Applied Linguistics*. Routledge. 3rd Edition. New York. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Richard, C. W. (2005), *Plain English for Lawyers*, Carolina Academic Press, Durham.

Grammatical features of legal English:

Applications in contemporary language teaching in Vietnam

Abstract: At present, a comprehensive understanding of the grammatical features of Legal English is of paramount importance in both the practical legal field and in the research and instruction of legal matters. The article outlines the grammar and Legal English, elucidating the distinct grammatical characteristics and establishing their relationship with the teaching of Legal English. Furthermore, the article examines the current application of these grammatical features in Legal English education in Vietnam. To enhance the effectiveness of this practice, the article proposes several solutions, such as refining the curriculum, fostering a more integrated approach between theory and practice, and developing a robust corpus of practical, illustrative materials.

Key words: grammar; grammatical features; English language; Legal English; teaching.